

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24- 4-2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp

Bà Phan Thị Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan -Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 625/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Thái Huỳnh L, sinh năm 1984.

HKTT: Tổ 16, ấp B, xã A, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Ấp C, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1988.

HKTT: Tổ 16, ấp B, xã A, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Anh L có mặt, chị L1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2017, các bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Thái Huỳnh L trình bày:

Anh chung sống với chị Nguyễn Thị L1 vào năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh

Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyền số 01/2013 ngày 15/5/2006.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị L1 làm ăn thất bại dẫn đến nợ nần, từ khoảng từ năm 2014 chị L1 tự ý bỏ nhà đi, thỉnh thoảng mới về thăm con, anh và chị L1 ly thân nhau từ đó cho đến nay không hòa giải đoàn tụ lần nào.

Nay anh cương quyết xin ly hôn với chị L1 vì vợ chồng hết tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài.

- Con chung: có 02 cháu là Thái Kim Ph, sinh ngày 14/6/2006 và Thái Huỳnh Đ, sinh ngày 05/02/2012. Từ khi chị L1 bỏ đi, cả 02 con chung sống cùng anh. Nếu ly hôn, anh xin tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu chị L1 cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Chị Nguyễn Thị L1 đã được niêm yết hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng không đến Tòa án cung cấp chứng cứ nên không có bản khai.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải, xác định tư cách tố tụng của đương sự, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Thái Huỳnh L, giao 02 con chung cho anh L nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 25/9/2017 Tòa án nhân dân huyện N thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1988- địa chỉ: ấp B, xã A, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Tuy nhiên tại Biên bản xác minh ngày 16/11/2017 do Công an xã A cung cấp thì chị L1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã A, huyện N, tỉnh Đồng Nai nhưng từ năm 2014 chị L1 không thường xuyên sinh sống tại địa phương mà thỉnh thoảng đi đi về về. Mặt khác tại phiên tòa anh L xác định chị L1 vẫn thỉnh thoảng về thăm con chung, từ đó thể hiện chị L1 không vắng mặt tại nơi cư trú.

Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản cho chị L1 theo quy định nhưng chị L1 vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt chị L1 theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Anh Thái Huỳnh L xin ly hôn với chị Nguyễn Thị L1. Chị L1 cư trú tại tổ 16, ấp B, xã A, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là anh Thái Huỳnh L, bị đơn là chị Nguyễn Thị L1.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Thái Huỳnh L chung sống với chị Nguyễn Thị L1 vào năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/2006 ngày 15/5/2006 nên hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Tại phiên tòa anh L cương quyết xin ly hôn với chị L1 và khai nại không còn tình cảm vợ chồng, chị L1 đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định nhưng không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh L thì thấy: nguyên nhân mâu thuẫn theo anh L khai là do chị L1 làm ăn thua lỗ gây nên nợ nần, từ năm 2014 chị L1 tự ý bỏ nhà đi thỉnh thoảng mới về thăm các con, anh chị sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh L và chị L1 đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần cho anh L được ly hôn với chị L1 là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Anh L khai anh và chị L1 có 02 con chung là cháu Thái Kim Ph, sinh ngày 14/6/2006 và cháu Thái Huỳnh Đ, sinh ngày 05/02/2012. Tại phiên tòa anh L xin tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu chị L1 cấp dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh L là phù hợp, bởi lẽ từ năm 2014 cho đến nay anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Theo bản khai có tại hồ sơ thì cháu Nguyễn Kim Ph có nguyện vọng được sống cùng ba. Vì vậy cần giao 02 con chung cho anh L nuôi dưỡng, chị L1 không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

[5]. Tài sản chung: Anh L khai không có nên không giải quyết.

[6]. Nợ chung: Anh L khai không có nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Anh L phải chịu toàn bộ án phí HNGĐ theo quy định.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của anh Thái Huỳnh L về việc “tranh chấp ly hôn” đối với chị Nguyễn Thị L1.

1. Xử: Cho anh Thái Huỳnh L được ly hôn với chị Nguyễn Thị L1.

2. Về con chung: Xử giao cháu Thái Kim Ph, sinh ngày 14/6/2006 và cháu Thái Huỳnh Đ, sinh ngày 05/02/2012 cho anh L nuôi dưỡng. Chị L1 không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Thái Huỳnh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001955 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Anh L đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Nguyễn Thị L1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã A;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai